

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ST
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 02/2020/HSST
Ngày 09/01/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Huy Đồi.
2. Ông Nguyễn Thanh Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tham gia phiên tòa: Ông Đồng Việt Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường Nhà văn hóa xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi đưa ra xét xử lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST – HS ngày 26/12/2019, đối với bị cáo:

Họ tên: **Đinh Văn T**, sinh năm: 1986, tại xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; trú tại: Thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kdong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; con ông: Đinh Văn N, sinh năm: 1955 và bà Đinh Thị X, sinh năm 1961; có vợ tên: Đinh Thị V và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004; ngày 20/9/2019 bị cáo có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Hà C - TGVPL - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng, Tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số: 295/QĐ - TGPL ngày 04/10/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Thôn HM, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn B - Trưởng trạm;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh Đ - Phó trưởng trạm, theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2019; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
- + Ủy ban nhân dân xã SL, địa chỉ: Thôn MT, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;
- Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn D – Chủ tịch;
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H – Phó chủ tịch, theo Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019, có mặt;
- + Ông Đinh T, sinh năm: 1974; địa chỉ: xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; nơi công tác: Hạt kiểm Lâm huyện ST; Có mặt.
- + Chị Đinh Thị V, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.
- *Người phiên dịch:* Ông Đinh Kiều L, sinh năm: 1986, địa chỉ: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2019 (*bị cáo không nhớ rõ ngày*), Bị cáo Đinh Văn T, sinh năm: 1986, trú tại TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi đã rủ vợ là bà Đinh Thị V mang theo rựa, cưa đến khu vực rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi để phát dọn thực bì, dây leo (*còn gọi là phát luống*) và chặt phá, cưa hạ cây rừng để lấy đất canh tác, trồng lúa, mì. Bị cáo T đã phát luống, cưa hạ cây rừng ở 03 vị trí liên tiếp trong vòng 07 ngày tại các lô q, s thuộc lô 16 (*vị trí thứ nhất*) và lô q thuộc lô 19 (*vị trí thứ hai, thứ ba*) tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi theo bản đồ diễn biến rừng năm 2018, gây thiệt hại tổng diện tích rừng phòng hộ là 9.596m².

Ngày 16/5/2019, Hạt kiểm lâm huyện ST đã kiểm tra, phát hiện và lập biên bản đối với diện tích rừng phòng hộ bị thiệt hại tại các lô nói trên. Hạt kiểm lâm huyện ST, tiến hành xác minh làm rõ vụ việc, xác định hành vi của Đinh Văn T chặt phá rừng, gây thiệt hại 209 cây rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ thiệt hại là 9.596m². Cụ thể, tại vị trí thứ nhất có 84 cây rừng (*47 cây keo và 37 cây dầu rái*) bị chặt phá trên diện tích đất rừng là 4.088m²; vị trí thứ hai có 29 cây keo bị chặt phá trên diện tích rừng phòng hộ 1.983m², vị trí thứ ba là 94 cây keo và 02 cây gỗ tự nhiên trên diện tích rừng phòng hộ là 3.525m², Hạt kiểm lâm huyện ST đã kiến nghị đến cơ quan CSĐT Công an huyện ST đề nghị khởi tố vụ án xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản Kết luận giám định tư pháp số 520/CCKL-GĐTP ngày 23/7/2019, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Vị trí rừng bị thiệt hại nằm tại Lô 16, Lô 19 Khoảnh 1, Tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST (*Theo bản đồ diễn biến rừng năm 2018 huyện ST*); Tổng diện tích rừng bị phá: 9.596 m² (*chín ngàn năm trăm*

chín sáu mét vuông), trong đó: vị trí phá rừng số 1: 4.088 m² (bốn ngàn không trăm tám mươi tám mét vuông), vị trí phá rừng số 2: 1.983 m² (Một ngàn chín trăm tám mươi ba mét vuông), vị trí phá rừng số 3: 3.525 m² (Ba ngàn năm trăm hai mươi lăm mét vuông); Loại rừng: Rừng trồng; Chức năng: Phòng hộ đầu nguồn; Chủ quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, nay là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại bản Kết luận định giá số 05/HĐĐG ngày 04/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện ST kết luận: Giá trị quyền sử dụng rừng bị thiệt hại là 69.273.643 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); Giá trị tài sản gỗ bị thiệt hại là: 22.847.980 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Toàn bộ phần diện tích rừng trên đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án đầu tư rừng trồng phòng hộ đầu nguồn tỉnh Quảng Ngãi, nguồn vốn vay JBIC giai đoạn 2002 – 2007 theo Quyết định số 2240/QĐ-UB ngày 12/8/2002; Ngày 13/01/2012, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc giao rừng cho BQL RPHĐN Thạch Nham nay là Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện Sơn Hà. Ngày 15/4/2019, toàn bộ diện tích rừng này được giao lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi và do Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 703/CT - VKS - HS, ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS và căn cứ vào tính chất, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo Thanh với mức án từ 36 (ba mươi sáu) đến 40 (bốn mươi) tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 (một) cái rựa có cán bằng gỗ, đường kính 03 cm, dài 33 cm, lưỡi bằng kim loại, dài 27 cm, rộng 2,5 cm. 01 (một) máy cưa màu cam dài 81cm, có dán ký hiệu “LWA 110dB”, xích dài 95cm. Là công cụ của bị cáo T dùng vào việc phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 máy lửa gas, qua điều tra xác định: sau khi sử dụng máy lửa gas để đốt cây rừng, Đinh Văn T đã vứt bỏ nhưng không xác định được vị trí nên cơ quan điều tra không tổ chức truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự tuyên chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nguyên đơn dân sự tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết lần đầu phạm tội cho bị cáo T. Đồng thời, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T mức hình phạt 36 tháng tù và miễn án phí cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo T thống nhất với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa người đại diện cho Nguyên đơn dân sự ông Bùi Minh Đ thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Lời nói cuối cùng của bị cáo T là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện ST, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Vào đầu tháng 4 năm 2019 bị cáo Đinh Văn T đã rủ vợ là bà Đinh Thị V đến rừng phòng hộ thuộc khoảnh 1, tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST để chặt phá rừng phòng hộ. Khi đi bị cáo T đã mang theo rựa, máy cưa để sử dụng, phát luống và chặt, cưa hạ cây rừng. Cụ thể là bị cáo đã phá rừng phòng hộ tại lô 16 (các lô q, s) và lô 19 (lô q) gây thiệt hại với tổng diện tích rừng phòng hộ là 9.596m². Diện tích rừng phòng hộ mà bị cáo Thanh phá có chức năng Phòng hộ đầu nguồn, loại rừng trồng đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham (nay là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện

SH) theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2012. Ngày 15/4/2019, Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện SH đã bàn giao toàn bộ diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn huyện ST trong đó có diện tích rừng phòng hộ do bị cáo Thanh phá cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người đại diện nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào tổng diện tích đất rừng phòng hộ bị thiệt hại, hành vi của bị cáo có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phá rừng phòng hộ của bị cáo Thanh có tính chất nghiêm trọng, bị cáo Đinh Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phá rừng phòng hộ là hành vi vi phạm pháp luật.

Mặt khác, thời điểm phạm tội bị cáo là Cán bộ, Phó chủ tịch Hội nông dân xã SL, là cá nhân được ký hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng (*Hợp đồng số 81/2019/HĐNT30a, ngày 01/01/2019*) tại khoảnh 3, tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST và bị cáo cũng đã địa phương tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng, bản thân bị cáo nhận thức mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phá rừng do mình gây ra nhưng ngang nhiên, không chấp hành đúng quy định của pháp luật, cố tình phá rừng phòng hộ để lấy đất sản xuất, gây tổng thiệt hại là 9.596m² đất rừng phòng hộ.

Hành vi của bị cáo là thể hiện sự ngoan cố, bất chấp quy định của pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đồng thời góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình nên HĐXX cân nhắc cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt truy tố, các tình tiết giảm nhẹ cũng như các vấn đề về vật chứng, bồi thường dân sự, HĐXX xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Đối với lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, HĐXX chỉ chấp nhận một phần, việc người bào chữa cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình thiếu đất nên mới nảy sinh ý định và thực hiện việc phá rừng lấy đất sản xuất là không đủ cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với Chị Đinh Thị V là vợ của bị cáo mặc dù có đi cùng bị cáo để phá rừng nhưng chị V không được bàn bạc trước, chỉ đi cùng, mang cơm, nước uống cho bị cáo và tham gia phát dọn thực bì. Đồng thời chị V cũng không biết đây là rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý nên không đủ cơ sở kết luận chị V đồng phạm trong hành vi của bị cáo. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện ST không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị V là có cơ sở.

[7] Đối với Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, Ủy ban nhân dân xã SL, ông Đinh T (*Kiểm lâm địa bàn*) là cá nhân được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý rừng phòng hộ, tại tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Do công tác quản lý, bảo vệ rừng lỏng lẻo, thiếu sát sao nên khi bị cáo phá rừng trong tháng 4 đến tháng 5 mới phát hiện và xử lý.

Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ST, Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, Hạt kiểm lâm huyện ST, UBND xã SL tiến hành đưa ra kiểm điểm nghiêm túc, chấn chỉnh kịp thời nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý và bảo vệ rừng đối với các cơ quan, cá nhân để xảy ra tình trạng phá rừng ở địa phương, tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên đôn đốc kiểm tra đối với những khu vực rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của mình.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Nguyên đơn dân sự ông Bùi Minh Đ yêu cầu bị cáo Đinh Văn T bồi thường chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng là 29.958.877 đồng và chi phí đầu tư cho công tác khoán bảo vệ rừng là 2.399.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn dân sự yêu cầu là 32.357.877 đồng làm tròn số là 32.358.000 đồng (*ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*), ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này hợp lý, phù hợp pháp luật nên căn cứ vào Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu bồi thường dân sự của nguyên đơn dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX cần tuyên tịch thu và tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội gồm: 01 (một) máy cưa màu cam, dài 81cm, có dán ký hiệu “LWA

110dB”, xíc dài 95cm và 01 (một) cái rửa bằng gỗ đường kính rộng 3cm, dài 33cm, lưỡi dài 27cm, rộng 2,5cm.

[10] Về án phí: Bị cáo T là người dân tộc thiểu số, ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội: *“Hủy hoại rừng”*;

Xử phạt: Đinh Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên buộc Bị cáo Đinh Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho Nguyên đơn dân sự là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST số tiền 32.357.877 đồng (*chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng là 29.958.877 đồng và chi phí đầu tư cho công tác khoán bảo vệ rừng là 2.399.000 đồng*) làm tròn là 32.358.000 đồng (*ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tuyên tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 (một) máy cưa màu cam, dài 81cm, có dán ký hiệu “LWA 110dB”, xích dài 95cm và 01 (một) cái rửa bằng gỗ đường kính rộng 3cm, dài 33cm, lưỡi dài 27cm, rộng 2,5cm. Là công cụ của bị cáo Đinh Văn T dùng vào việc phạm tội.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Văn T được miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- Công an huyện ST (CSĐT, THAHS);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THA dân sự huyện ST;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã SL;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lâm Thị Ánh Tuyết